

Bản án số: **74/2024/HNGĐ - ST**
Ngày: 20-9-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xoa
2. Ông Hoàng Minh Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu N – sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số F B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Trần Duy S – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: K H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện** đề ngày 03/6/2024 và bản tự khai ngày 16/7/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Trần Duy S kết hôn vào ngày 16/3/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới. Sau khi

kết hôn, vợ chồng sống tại K H, phường B, quận H, TP.Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, đến khoảng đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông S không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập ăn chơi, nghiện hút, chơi game, không chăm lo cuộc sống gia đình. Mọi kinh tế trong gia đình đều do bà N tự đi làm để nuôi con và chi phí sinh hoạt trong nhà.

Ông S liên tục đe dọa, tạo áp lực cho bà N để lấy tiền ăn chơi, nếu bà N không cung cấp ông S sẽ chửi bới, xúc phạm thậm chí còn đánh đập bà N. Ông S không chăm sóc, nuôi dạy con cái mà còn thường xuyên quát mắng nặng lời. Bà N đã chịu đựng vì để con có cha, đến nay bà N không thể chịu đựng được nữa vì với môi trường sống như vậy con cái cũng không phát triển tốt. Bà N xác định đã sống ly thân với ông S và không còn tình cảm yêu thương ông S nữa nên khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Trần Duy S.

- Về quan hệ con chung: Bà N xác định có 01 con chung là Trần Nguyễn Tú A. Sinh ngày: 22/9/2018. Ly hôn, nguyện vọng của bà N là được trực tiếp nuôi con Trần Nguyễn Tú A cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu là tùy vào ông S.

- Về tài sản chung: Bà N xác định không có .

- Về nợ chung: Bà N xác định không có.

* Tại bản tự khai, biên bản hoà giải ngày 17/7/2024 bị đơn ông Trần Duy S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông S xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như bà N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây bà N xác nhận không còn tình cảm với ông S và muốn ly hôn. Ông S thấy việc vợ chồng sống chung mà không còn tình cảm thì hôn nhân không hạnh phúc nên ông S đồng ý thuận tình ly hôn với bà N.

- Về con chung: Ông S xác định có 01 con chung tên Trần Nguyễn Tú A. Sinh ngày: 22/9/2018. Ly hôn, do bà N làm khó ông S trong việc thăm nom con nên ông S cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con Trần Nguyễn Tú A cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông S không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông S xác định không có.

- Về nợ chung: Ông S xác định không có.

Kết quả xác minh ngày 21/4/2022 tại chính quyền địa phương nơi ông S, bà N cư trú xác định được trước khi xảy ra mâu thuẫn thì ông S, bà N có cư trú tại địa chỉ

K H, thành phố Đà Nẵng, quá trình chung sống ông S, bà N có phát sinh mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm cụ thể. Khoảng từ tháng 6/2024 bà N và con không còn sinh sống cùng gia đình ông S.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Tại phiên tòa bị đơn – ông Trần Duy S vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Trần Duy S là có cơ sở, đề nghị Hội đồng căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Vị đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N đối với bị đơn ông Trần Duy S có địa chỉ cư trú tại quận H, thành phố Đà Nẵng là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Duy S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Bà Nguyễn Thị Thu N kết hôn với ông Trần Duy S vào năm 2018, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 16/3/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S. Tại biên bản hoà giải ngày 17/7/2024, bà N xác định nguyên nhân mâu thuẫn của bà N và ông S đã kéo dài, bà N đã cố gắng chịu đựng vì con nhưng ông S vẫn không thay đổi, bà N không còn tình cảm với ông S. Đối với ông S xác nhận thời gian gần đây bà N không còn tình cảm với ông S và muốn ly hôn, ông S thấy việc vợ chồng sống chung mà không còn tình cảm thì hôn nhân không hạnh phúc nên ông S đồng ý ly hôn với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà N, ông S lại không làm được điều này. Khi xảy ra mâu thuẫn và được Toà án thụ lý giải quyết cả hai đã đồng ý thuận tình ly hôn điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông S đã mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà N và ông S có một con chung tên Trần Nguyễn Tú A. Sinh ngày: 22/9/2018. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn ông Trần Duy S thay đổi ý kiến tại biên bản hoà giải thành ngày 17/7/2024 về việc đồng ý giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông S cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Trần Nguyễn Tú A và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Nguyễn Tú A. Sinh ngày: 22/9/2018 là con gái, cần có sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ mới đảm bảo sự phát triển tốt cho con. Do đó, HĐXX nhận thấy giao con chung Trần Nguyễn Tú A. Sinh ngày: 22/9/2018 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với các quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà N, ông S đều xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà N, ông S đều xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7]Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” đối với ông Trần Duy S.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Trần Duy S.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Tú A. Sinh ngày: 22/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Duy S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000394 ngày 12/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường Bình Thuận, quận Hải Châu, ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Mỹ Dung

